|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I** **NĂM HỌC: 2024 – 2025****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6***Thời gian làm bài: 60 phút* *Ngày kiểm tra: 24/12/2024* |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Kiểm tra lại các đơn vị kiến thức đã học về:

**Phân môn Địa lí:**

- Chương 1: Bản đồ - phương tiện thể hiện trên bề mặt Tái Đất.

- Chương 2: Trái Đất- hành tinh của hệ Mặt Trời.

**Phân môn Lịch sử:**

- CĐ 1: Xã hội nguyên thủy.

+ Sự chuyển biển và phân hóa của xã hội nguyên thủy.

- CĐ 2: Xã hội cổ đại.

+ Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.

**\* Nhận thức khoa học địa lí:**

- Các yếu tố cơ bản của bản đồ: Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. Lược đồ trí nhớ đường đi

- Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. Mô tả được chuyển động của Trái Đất. Nguyên nhân sinh ra mùa trên TĐ.

**\* Tìm hiểu địa lí:** Chuyển động của Trái Đất và hệ quả.Sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

**\* Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học**

- Biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.( Liên hệ mùa tại địa phương nơi em sinh sống)

 - Tính được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.

**\* Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:**

- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.

- Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã.

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của Ai cập và Lưỡng Hà.

- Nêu được những thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà.

**\* Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng** đã học để liên hệ và rút ra được bài học

- Vận dụng được kiến thức lịch sử để liên hệ với xã hội hiện nay.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục học sinh ý thức chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nghiêm túc trong khi làm bài kiểm tra.

- Yêu nước, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ Trái Đất, yêu thích môn học

**II. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY**

**III. NỘI DUNG ĐỀ: ( Đính kèm trang sau)**

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM: ( Đính kèm trang sau)**

**II-1. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần năng lực** | **Cấp độ tư duy** | **Tổng lệnh hỏi** |
| **Phần I: TN nhiều lựa chọn** | **Phần II: TN đúng sai** | **Phần III: Tự luận** |
| **NB** | **TH** | **VD** | **NB** | **TH** | **VD** | **NB** | **TH** | **VD** |  |
| Tìm hiểu Địa lí | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nhận thức và tư duy khoa học | 4 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |  |
| Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học |  |  |  |  |  |  |  | 1/3 | 2/3 |  |
| **Tổng lệnh hỏi** | **8** |  |  |  | **4** |  |  |  | **1** | **13** |
| Tìm hiểu Lịch sử  | 4 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| Nhận thức và tư duy khoa học | 4 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học |  |  |  |  |  |  |  | 1/2 | 1/2 |  |
| **Tổng lệnh hỏi** | **8** |  |  |  | **4** |  |  |  | **1** | **13** |
| **Tổng** | **16** |  |  |  | **8** |  |  |  | **2** |  |
| **16** | **8** | **2** | **26** |

***Ghi chú:*** *Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi.*

*Mỗi câu hỏi tại Phần I là một lệnh hỏi. Mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.*

**II-2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** |
|  ***\* Phần Địa Lí*** |
| **1** | **Bản đồ: phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | Các yếu tố cơ bản của bản đồ | **Nhận biết:**- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.Lược đồ trí nhớ đường đi | 4TN\* |  |  |
| **2** | **Trái Đất – hành tinh của hệ mặt trời** | - Vị trí Trái Đất trong hệ mặt Trời. -Hình dạng, kích thước của Trái Đất**.**- Chuyển động của Trái Đất và hệ quả**.** | **Nhận biết:**- Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.- Mô tả được chuyển động của Trái Đất **Thông hiểu**- Sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.- Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.* **Vận dụng**: Tính được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.
* Nguyên nhân sinh ra mùa trên TĐ.
* Liên hệ Mùa tại địa phương nơi em sinh sống
 | 4TN\* |  1/3 TL4TN\*Đ/S | 2/3 TL |
| **Số câu/ loại câu** |  | 8 câu TN |  4TN1/3 TL | 2/3 TL |
| **Tỉ lệ %** |  | **20** | **15** | **15** |
| **Tổng hợp** |  | **20%** | **15%** | **15%** |
| ***\* Phần Lịch Sử*** |
| **1** | Xã hội nguyên thủy. | Sự chuyển biển và phân hóa của xã hội nguyên thủy. | **Nhận biết**Sự xuất hiện của kim loại và nền văn hóa gắn với thời kì chuyển biến.**Thông hiểu**Sự xuất hiện của kim loại và vai trò của nó trong việc chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. | 3TN | 4TN(D/S) |  |
| 2 | Xã hội cổ đại. | Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. | **Nhận biết**- Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.- Quá trình thành lập nhà nước của Ai cập và Lưỡng Hà.- Thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà**Vận dụng**Trình bày được những thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà và liên hệ với thực tế. | 1TN2TN2TN | ½ TL | ½ TL |
|  |  | **Số câu/ loại câu** |  | 8 câu TN | 4 TN½ TL | 1/2 TL |
| **Tổng** | **16 TN** | **8 TN****(Đ/S)****½ TL** | **2TN****1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | ***20*** | ***15*** | ***15*** |
| ***Tổng tỉ lệ %*** | ***40*** | ***30*** | ***30*** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ I** **NĂM HỌC: 2024 – 2025****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6***Thời gian làm bài: 60 phút* *Ngày kiểm tra: 24/12/2024* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *(4,0 điểm)*** Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu****Đề** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **DỰ BỊ** | A | D | A | B | B | A | B | A | A | D | D | B | A | A | B | C |
| **101** | B | A | D | D | A | B | B | D | D | B | B | A | A | D | D | C |
| **102** | A | A | D | A | B | B | C | B | C | B | D | C | C | D | D | A |
| **103** | A | B | D | D | A | C | B | C | C |  B | C | C | B | C | B | B |
| **104** | B | A | D | B | A | C | A | D | D | C | B | B | A | D | C | B |

 |

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. *(2,0 điểm)***

Thí sinh trả lời từ câu 25 đến câu 26. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** |  A |  B |  C |  D |
| **25** | Đ | S | S | Đ |
| **26** | Đ | Đ | S | Đ |

**Cách thức tính điểm**

- Học sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm

- Học sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm

- Học sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm

- Học sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm

 **PHẦN III. Câu hỏi tự luận *(4,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1****(2,0đ)** | **Mùa là gì ?**Mùa là một phần thời gian của năm, nhưng có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu. | 0,5 |
| **Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất**Do trong quá trình chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất nghiêng không đổi hướng, nên Bắc bán cầu và Nam bán cầu lần lượt ngả về phía Mặt Trời, nhận được lượng nhiệt khác nhau sinh ra mùa, nóng lạnh khác nhau. | 1,0 |
| Liên hệ được mùa ở địa phương nơi em đang sinh sống + Học sinh ở phía Bắc: Địa phương mỗi năm có 4 mùa không rõ rệt. Đó là mùa xuân, hạ, thu, đông. + Thời gian mỗi mùa thường kéo dài khoảng 3 tháng. | 0,5 |
| **Câu 2****(2,0đ)** | **a. Một số vật/ lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại: (Hs trả lời được 1 ý được 0,75 điểm, 2 ý trờ lên đạt điểm tối đa).**VD:+ Cái cày (sử dụng sức kéo của động vật), Bánh xe, Nông lịch (âm lịch), Phép tính với hệ đếm thập phân và hệ đếm 60, các công trình kiến trúc, điêu khắc, ví dụ: Kim tự tháp, tượng nhân sư;…**b.Học sinh trả lời theo quan điểm cá nhân có liên quan đến nội dung kiến thức.**VD: Em ấn tượng nhất với nghệ thuật điêu khắc của cư dân Ai cập cổ đại, thông qua hình ảnh Tượng Nhân sư canh giữ kim tự tháp Kê-ốp: +  Đây là bức tượng nguyên khối lớn nhất thế giới, dài 73,5 mét và cao 20,22, tượng nhân sư tượng trưng cho trí tuệ và sức mạnh.=> Tượng Nhân sư đã cho thấy sự tinh tế, bài tay tài hoa và sự miệt mài sáng tạo nghệ thuật của của người Ai Cập cổ đại. | 1,50,5 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **Tổ nhóm CM** | **Người làm đề** |
| **Kiều Thị Tâm** |  | **Chu Thị Trúc****Nguyễn Thị Thu Huyền** |